TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỘC BÌNH** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2022/HNGĐ-ST
Ngày 24-5-2022
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC BÌNH, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đặng Thị Phương và ông Nguyễn Văn Thành

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Vy Thị Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà*:** Ông Hứa Thế Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 45/2022/TLST- HNGĐ, ngày 06 tháng 4 năm 2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 04 tháng 5 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 12/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Hoàng Thị T, sinh năm 1999; địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1996; địa chỉ: P, thôn M, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 06/4/2022, lời khai sau đó và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Hoàng Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn P được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, được hai bên gia đình tổ chức cưới cho theo phong tục địa phương. Có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn vào ngày 06/9/2019. Thời gian đầu tình cảm vợ chồng bình thường. Đến tháng 01/2020 thì vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn do anh Nguyễn Văn P cờ bạc, rượu chè, không làm ăn gì để nuôi vợ con dẫn đến hai vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, đánh nhau. Mặc dù đã được hai bên gia đình hàn gắn nhưng anh

Nguyễn Văn P vẫn chứng nào tật đấy. Đến tháng 4/2020 chị bỏ về sống tại nhà bố mẹ đẻ tại xã T, huyện L vợ chồng ly thân từ đó đến nay, không ai quan tâm hay liên lạc gì với nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng với anh Nguyễn Văn P không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên xin được ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung là Nguyễn Huyền D, sinh ngày 29/01/2020, hiện đang sống với chị. Do chị trực tiếp nuôi từ khi ly thân tháng 4/2020 đến nay. Khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con, yêu cầu anh Nguyễn Văn P cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Hiện nay chị làm công nhân thu nhập khoảng 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng/tháng, vẫn đảm bảo điều kiện nuôi con. Tại phiên tòa chị rút yêu cầu cấp dưỡng, chưa yêu cầu anh Nguyễn Văn P cấp dưỡng nuôi con chung, do chị có thu nhập và chỗ ở ổn định vẫn đảm bảo các điều kiện nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có

Bị đơn anh Nguyễn Văn P đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không hợp tác nên Tòa án không thể lấy lời khai được.

Tiến hành xác minh tại nhà của bà Hoàng Thị B là mẹ đẻ anh Nguyễn Văn P ở thôn Mới, xã T, huyện L cho biết: Anh Nguyễn Văn P hiện nay đang đi làm công ty, vẫn về gia đình, các văn bản tố tụng của Tòa án đều được gia đình giao và thông báo cho anh Nguyễn Văn P biết, nhưng anh Nguyễn Văn P không có ý kiến gì. Việc mâu thuẫn của vợ chồng chị Hoàng Thị T và anh Nguyễn Văn P gia đình không nắm được và không ý kiến gì.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn:

Về tố tụng: Thẩm phán đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, tư cách tham gia tố tụng; thực hiện đúng việc thu thập tài liệu chứng cứ, việc tống đạt văn bản tố tụng được thực hiện hợp lệ, trình tự thụ lý, thời hạn chuẩn bị xét xử và các nhiệm vụ quyền hạn khác của Thẩm phán trong giai đoạn chuẩn bị xét xử được thực hiện đúng theo Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 68, Điều 93 đến Điều 97, Điều 175, Điều 177, Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tuân theo đúng quy định từ Điều 239 đến Điều 263 Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ về thủ tục chuẩn bị khai mạc phiên tòa, ghi chép diễn biến phiên tòa cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo quy định tại Điều 51, Điều 237 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn đã chấp hành, thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định tại các Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Chị Hoàng Thị T và anh Nguyễn Văn P được tự do tìm hiểu và gia đình tổ chức cưới theo phong tục địa phương và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T theo Giấy chứng nhận số 41 ngày 06/9/2019. Trong quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn, chị Hoàng Thị T và anh Nguyễn

Văn P đã ly thân, trong thời gian sống ly thân không ai quan tâm hỏi han chăm sóc lẫn nhau, nay chị Hoàng Thị T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn P. Anh Nguyễn Văn P không có ý kiến gì, không có ý định hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Nhận thấy quan hệ hôn nhân giữa chị Hoàng Thị T và anh Nguyễn Văn P không có khả năng hàn gắn đoàn tụ, cuộc sống hôn nhân mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy có căn cứ chấp nhận yêu cầu của chị Hoàng Thị T. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xử cho chị Hoàng Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn P.

Về con chung: Chị Hoàng Thị T và anh Nguyễn Văn P có 01 con chung là cháu Nguyễn Huyền D, sinh ngày 29/01/2020; từ khi ly thân con chung sống với chị Hoàng Thị T, chị Hoàng Thị T có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung đến khi đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Văn P đã nhận, được gia đình thông báo văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến gì. Chị Hoàng Thị T có thu nhập ổn định, làm công nhân thu nhập hàng tháng khoảng 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng/tháng, ngoài ra cháu còn nhỏ chưa đủ 36 tháng tuổi, cần sự chăm sóc giáo dục của người mẹ. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao con chung là Nguyễn Huyền D, sinh ngày 29/01/2020 cho chị Hoàng Thị T là người được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con chung, quá trình giải quyết vụ án, chị Hoàng Thị T yêu cầu anh Nguyễn Văn P cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi đủ 18 tuổi, tại phiên tòa chị rút yêu cầu này, chưa yêu cầu anh Nguyễn Văn P cấp dưỡng nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung của chị Hoàng Thị T.

Về tài sản chung: Không đề nghị xem xét giải quyết và nợ chung không có do vậy đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm do là người dân tộc thiểu số sinh sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và đã có đơn xin miễn án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đây là phiên tòa mở lần 2, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, giải quyết tranh chấp nuôi con khi ly hôn vì vậy quan hệ

pháp luật là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là anh Nguyễn Văn P, cư trú tại thôn M, xã T, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn. Do đó, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

[3] Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Chị Hoàng Thị T và anh Nguyễn Văn P được tự do tìm hiểu và gia đình tổ chức cưới theo phong tục địa phương và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T theo Giấy chứng nhận số 41 ngày 06/9/2019. Theo nguyên đơn là chị Hoàng Thị T xác định quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn, không hiểu nhau, thường xuyên cãi cọ, bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, chị Hoàng Thị T và anh Nguyễn Văn P đã ly thân từ tháng 4/2020 đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Bị đơn anh Nguyễn Văn P đã nhận được văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến gì. Hội đồng xét xử nhận thấy chị Hoàng Thị T và anh Nguyễn Văn P đã sống ly thân, không còn quan tâm yêu thương, chăm sóc lẫn nhau, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng hàn gắn đoàn tụ, anh Nguyễn Văn P không có ý kiến gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Chị Hoàng Thị T và anh Nguyễn Văn P có 01 con chung là cháu Nguyễn Huyền D, sinh ngày 29/01/2020; từ khi ly thân cháu Nguyễn Huyền D sống với chị Hoàng Thị T, chị Hoàng Thị T có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung đến khi đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Văn P đã nhận được văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến gì. Chị Hoàng Thị T có thu nhập ổn định, làm công nhân thu nhập hàng tháng khoảng 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng/tháng, cháu đang sống với mẹ, lại là con gái, cháu còn nhỏ cần sự chăm sóc giáo dục của người mẹ chưa đủ 36 tháng tuổi. Do vậy Hội đồng xét xử quyết định giao con chung là Nguyễn Huyền D, sinh ngày 29/01/2020 cho chị Hoàng Thị T là người được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật và bảo đảm quyền lợi tốt nhất cho cháu. Theo yêu cầu khởi kiện ban đầu và quá trình giải quyết vụ án, chị Hoàng Thị T yêu cầu anh Nguyễn Văn P cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000 đồng/tháng, tại phiên tòa chị không yêu cầu anh Nguyễn Văn P cấp dưỡng nuôi con hàng tháng nữa. Đây không phải là yêu cầu khởi kiện độc lập, việc thay đổi yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung Hội đồng xét xử xét thấy việc thay đổi vẫn thuộc phạm vi khởi kiện ban đầu của nguyên đơn nên được chấp nhận, không phải đình chỉ đối với việc không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung do chị Hoàng Thị T không yêu cầu so với yêu cầu khởi kiện ban đầu, do vậy anh Nguyễn Văn P chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Hoàng Thị T chưa yêu cầu. Trường hợp có đơn yêu cầu, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung: Không đề nghị xem xét giải quyết; nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phần nào có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử thì được chấp nhận, phần cấp dưỡng nuôi con chung đề nghị đình chỉ không có căn cứ và không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử thì không được chấp nhận.

[7] Về án phí: Nguyên đơn chị Hoàng Thị T là người dân tộc thiểu số (dân tộc Tày), sinh sống ở xã T, huyện Lộc Bình là xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đã có đơn xin miễn tạm ứng án phí, án phí do vậy miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho chị Hoàng Thị T theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

[8] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hoàng Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn P.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 41, đăng ký ngày 06/9/2019 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn).

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Huyền D, sinh ngày 29/01/2020 cho chị Hoàng Thị T là người được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh Nguyễn Văn P chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung do chi Hoàng Thị T chưa yêu cầu.

Anh Nguyễn Văn P có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Chị Hoàng Thị T được miễn nộp toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn;
- Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Tuyết Mai

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Tuyết Mai